

Số: **68** /QĐ-BNN-TC

Hà Nội, ngày **13** tháng 01 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kế hoạch kinh doanh của liên minh sản xuất rau quả GOC
thuộc tiểu hợp phần B2 – Dự án Cạnh tranh Nông nghiệp**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/1/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/1/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Hiệp định tín dụng dự án Cạnh tranh Nông nghiệp mã số Cr.4518-VN được ký giữa đại diện Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Thế giới (WB) ngày 09/12/2008;

Căn cứ Quyết định số 1846/QĐ-BNN-HTQT ngày 19/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT phê duyệt dự án đầu tư Dự án Cạnh tranh Nông nghiệp do Ngân hàng Thế giới tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 571/QĐ-BNN-HTQT ngày 06/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT phê duyệt Sổ tay thực hiện dự án Cạnh tranh Nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 310/QĐ-BNN-TC ngày 25/2/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT phê duyệt kế hoạch năm 2011 cho Ban quản lý dự án Cạnh tranh Nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-BNN-TC ngày 08/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT phê duyệt Danh sách ngân các đề xuất mở rộng liên minh thuộc tiểu hợp phần B2 – Dự án Cạnh tranh Nông nghiệp;

Căn cứ thư không phản đối của Ngân hàng Thế giới về kế hoạch kinh doanh của liên minh sản xuất rau quả GOC ngày 18/11/2011;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban quản lý các dự án Nông nghiệp tại công văn số 2763/DANN-ACP ngày 23/12/2011 về việc phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết của liên minh sản xuất rau quả GOC thuộc tiểu hợp phần B2 – Dự án Cạnh tranh Nông nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh của liên minh sản xuất rau quả GOC với những nội dung sau:

1. Tên liên minh: Liên minh sản xuất rau quả GOC;

2. Mục tiêu của liên minh:

- Mở rộng diện tích vùng trồng dưa chuột, cà chua của HTX Quang Hiến và Thanh Lương lên 45 ha bao gồm 16,75 ha sẵn có, tiếp nhận thêm 28,25 ha của xã láng giềng Thanh Lương, nhằm đạt tổng diện tích gieo trồng/vụ màu là 45 ha cung cấp cho liên minh.

- Xây dựng và áp dụng qui trình sản xuất rau an toàn theo định hướng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, thông qua đó nâng cao chất lượng và kiểm soát tính an toàn của nguyên liệu, tiếp tục tăng giá bán nông sản của nông dân lên từ 10-50% so với giá thị trường.

- Xây dựng hệ thống truy nguyên nguồn gốc sản phẩm, quản lý sản phẩm và sản xuất đáp ứng các yêu cầu quản lý chất lượng của các thị trường khó tính.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm chế biến chất lượng cao vào Nhật, Mỹ, Canada và EU.

- Tăng doanh số bán hàng của G.O.C lên 150% sau 1 năm thực hiện đề án (trong phạm vi liên minh).

- Tăng cường thể chế nhằm nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất kinh doanh của HTX; hình thành các Tổ dịch vụ BVTV (các tổ này hoạt động theo điều hành của Ban quản lý Liên minh nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và kiểm soát chất lượng sản phẩm).

3. Các đối tác tham gia liên minh:

+ *Tổ chức nông dân:* Tổ hợp tác sản xuất rau quả Quang Hiến và Tổ hợp tác sản xuất rau quả Thanh Lương

Địa chỉ: xã Quang Hiến và xã Thanh Lương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

+ *Doanh nghiệp:* Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu G.O.C

Địa chỉ: Cụm Công Nghiệp Tân Xuyên - Huyện Lạng Giang - Tỉnh Bắc Giang

4. Loại hình kinh doanh: Sản xuất, chế biến và tiêu thụ rau quả xuất khẩu

5. Số người hưởng lợi: 617 hộ nông dân và 01 doanh nghiệp

6. Vùng dự án: Hợp tác xã Thanh Lương và Hợp tác xã Quang Hiến, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

7. Thời gian thực hiện dự án: 24 tháng

8. Tổng kinh phí và nguồn vốn thực hiện kế hoạch kinh doanh:

- Tổng kinh phí: 14.998.540.000 đồng

(Bằng chữ: Mười bốn tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Nguồn vốn thực hiện:

+ *Tổ chức nông dân*: 13.738.540.000 đồng, trong đó:

- Các hộ đóng góp (60%): 9.499.150.000 đồng

- Dự án hỗ trợ (vốn IDA 40%): 4.239.390.000 đồng

+ *Doanh nghiệp*: 1.260.000.000 đồng

- Vốn doanh nghiệp: 850.000.000 đồng

- Dự án hỗ trợ (vốn IDA): 410.000.000 đồng

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao cho Ban quản lý dự án Cạnh tranh Nông nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các quy định của Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới.

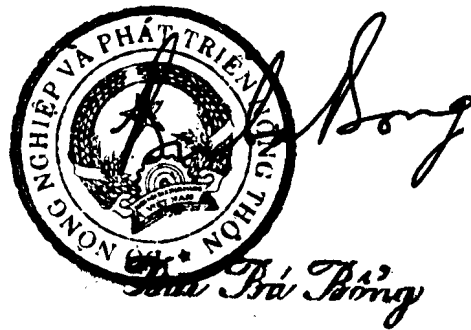
Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Trưởng ban quản lý các dự án Nông nghiệp, Giám đốc Ban quản lý dự án Cạnh tranh Nông nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

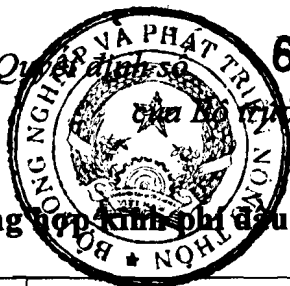
- Lưu: VT, TC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số **68** /QĐ-BNN-TC ngày **13** tháng 01 năm 2012
của Bộ Nông nghiệp & PTNT)



Phụ lục 1. Tổng hợp kinh phí đầu tư của Liên minh

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Tổng kinh phí của ý tưởng kinh doanh	Đóng góp của liên minh			Số tiền yêu cầu dự án ACP hỗ trợ
	Tổng số	Đóng góp của HTX Quang Hiến	Công ty G.O.C đầu tư	
14.998.540	10.349.150	9.499.150	850.000.000	4.649.390

Phụ lục 2. Hạng mục và chi phí đầu tư cho Doanh nghiệp

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Hạng mục đầu tư	Thành tiền	DN đầu tư	ACP hỗ trợ
1	Mua sắm trang thiết bị, vật tư	750.000	750.000	
2	Cải thiện bao bì, mẫu mã	100.000	100.000	
3	Đào tạo nhân viên về công nghệ và quản lý nhà máy	130.000		130.000
4	Xúc tiến thương mại (Hội chợ)	280.000		280.000
	Tổng	1.260.000	850.000	410.000

Handwritten signature

Phụ lục 3. Hạng mục và kinh phí đầu tư cho Tổ chức nông dân

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Đơn giá	Nguồn vốn tham gia dự án		
				Tổng số	Dự án hỗ trợ (40%)	LMSX (60%)
I	Cơ giới hóa sản xuất			620.000	248.000	372.000
1	Máy bơm nước	2	70.000	140.000	56.000	84.000
2	Máy phun thuốc (loại có động cơ)	20	5.000	100.000	40.000	60.000
3	Máy Cà	15	12.000	180.000	72.000	108.000
4	Khay nhựa đựng sản phẩm	500	150	75.000	30.000	45.000
5	Banet nhựa kê khay đựng sản phẩm	500	250	125.000	50.000	75.000
II	Chi phí sản xuất			12.717.540	3.910.990	8.806.550
6	Dưa chuột (35 ha x 2 vụ/năm x 2 năm)	140	69.805	9.772.790	2.994.430	6.778.360
7	Cà chua (10 ha x 2 vụ/năm x 2 năm)	40	73.618	2.944.750	916.560	2.028.190
III	Chi phí quản lý, tăng cường năng lực			201.000	80.4000	120.600
8	Đào tạo cán bộ quản lý	10	6.000	60.000	24.000	36.000
9	Tập huấn nông dân	60	500	30.000	12.000	18.000
10	In ấn tài liệu hướng dẫn sản xuất	1500	10	15.000	6.000	9.000
11	Lương cán bộ kỹ thuật (4 người x 24 tháng)	96	1.000	96.000	38.400	57.600
IV	Phí dự phòng			200.000		200.000
Tổng (I+II+III+IV)				13.738.540	4.239.390	9.499.150